

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST

Ngày: 23 - 03 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**

2. Ông **Y Mừng Niê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-DS, ngày 25/02/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường X, thành phố H

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hoài Th – Chức vụ: Phó Giám Đốc Chi nhánh Kiên Trưởng Phòng giao dịch B Theo Giấy Ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PL. ngày 25/12/2023 của Tổng Giám Đốc - Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 495 – 497 H, phường B, tỉnh Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

Số CCCD: 06619200xxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2023

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đ. (Nay là buôn C, xã C, tỉnh Đ).
Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Kim Ng, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Đ; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 24/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Đ - PGD B và chị Nguyễn Thị H cùng ký kết hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023. Theo đó, ngày 16/11/2023 chị Nguyễn Thị H đã nhận nợ vay theo Giấy nhận nợ số LD2332000766 với số tiền: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi suất 8%/năm. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên chị Nguyễn Thị H đã thế chấp 2 động sản là xe ô tô, cụ thể:

+ Xe ô tô tải Pickup ca bin kép số khung/số máy RL2AMFE60PDR44608/YN2SRPD44608, nhãn hiệu Ford, đời 2023. Biển số xe 47 C – 294.xx

+ Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27APND000280/ JE493ZLQ 436111019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022. Biển số xe 47C – 319.xx

Ngoài ra vào ngày 08/11/2023 chị Nguyễn Thị H ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, dư nợ hiện tại chuyển quá hạn là 119.570.085 đồng, lãi suất 24%/năm, chị Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vào ngày 15/8/2024.

Mặc dù đã quá hạn trả nợ và Ngân hàng TMCP S thường xuyên đôn đốc, nhiều lần vào nhà làm việc trực tiếp đề yêu cầu chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để chị Nguyễn Thị H trả nợ. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị H vẫn chây ì, không hợp tác.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk giải quyết:

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 23/03/2026) cụ thể như sau:

- Nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023, tổng cộng là: 996.500.779 đồng (Chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng)

+ Lãi trong hạn: 134.312.332 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi hai đồng)

+ Lãi quá hạn: 62.188.447 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng)

- Nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (Vay thẻ tín dụng), tổng cộng là 216.143.245 đồng (Hai trăm mười sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 119.570.085 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn không trăm tám mươi lăm đồng)

+ Lãi trong hạn: 64.382.107 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng)

+ Lãi quá hạn: 32.191.053 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm năm mươi ba đồng)

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/03/2026 theo thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết đối với khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S hiệu lực từ ngày 15/08/2019 cho đến khi chị Nguyễn Thị H trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S đối với khoản nợ vay thẻ tín dụng 119.570.085 đồng.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả được nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, không gửi ý kiến trình bày đến Tòa án

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim Ng trình bày* : Do chỗ làm ăn quan biết làm sâu riêng với chị Nguyễn Thị H, chị H có vay của anh Ng số tiền 100.000.000 đồng, chị H nói không có chỗ để xe nên chị H nói với anh Ng là có giấy đi đường bạn cứ lấy xe mà chạy, khi hết hạn thì chị H sẽ gia hạn cho. Đến nay chị H vẫn chưa đi gia hạn, anh Ng có dùng xe chạy một thời gian, đến nay hết hạn giấy đi đường nên anh Ng có cất giữ xe và hiện tại anh Ng đang quản lý, anh Ng chỉ là người giữ dùm chị H chứ không cầm cố gì, anh Ng có trách nhiệm giữ xe không chuyển cho người khác, vì xe còn đang tranh chấp với Ngân hàng. Nguyên vọng của anh Ng là đồng ý giao xe cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản trong quá trình thi hành án và nếu giá cả xe hợp lý thì anh Nguyên sẽ mua lại chiếc xe ô tô có Biển kiểm soát là 47 C – 319.xx.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tổng đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Nguyễn Thị H, nhưng chị Nguyễn Thị H vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện chị Nguyễn Thị H về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng. Theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 5/5/2017 thì trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với chị Nguyễn Thị H là đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, phù hợp

với quy định của pháp luật. Do chị Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày xét xử 23/3/2026 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Như vậy, cần buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 23/03/2026) cụ thể như sau:

- Nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023, tổng cộng là: **996.500.779** đồng (Chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*)

+ Lãi trong hạn: 134.312.332 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*)

+ Lãi quá hạn: 62.188.447 đồng (*Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*)

- Nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (Vay thẻ tín dụng), tổng cộng là **216.143.245** đồng (*Hai trăm mười sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 119.570.085 đồng (*Một trăm mười chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn không trăm tám mươi lăm đồng*)

+ Lãi trong hạn: 64.382.107 đồng (Bằng chữ: *Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng*)

+ Lãi quá hạn: 32.191.053 đồng (*Ba mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm hai mươi ba đồng*).

*/ Tổng cộng hai nợ gốc và nợ lãi đối với hai khoản vay nói trên là: **1.212.644.024** đồng (*Một tỷ hai trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bốn đồng*)

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/03/2026 theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết đối với khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 15/08/2019 cho đến khi chị Nguyễn Thị H trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S đối với khoản nợ vay thẻ tín dụng 119.570.085 đồng.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 0567/2023/TC-BH ngày 16/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP S với chị Nguyễn Thị H được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả

nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Xe ô tô tải Pickup ca bin kép số khung/số máy RL2AMFE60PDR44608/ YN2SRPD44608, nhãn hiệu Ford, đời 2023, Biển kiểm soát 47C – 294.xx và Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27AP ND000 280/ JE493ZLQ 436111019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022, Biển kiểm soát 47C – 319.xx đều mang tên Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0567/2023/TC-BH ngày 16/11/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[4]. Xử lý tài sản thế chấp:

+ Đối với Xe ô tô tải Pickup ca bin kép số khung/số máy RL2AMFE60 PDR44608/YN2SRPD44608, nhãn hiệu Ford, đời 2023. Biển số xe 47 C – 294.xx hiện không xác định được ai đang quản lý sử dụng.

+ Đối với Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27APND000 280/ JE493ZLQ 436111019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022. Biển kiểm soát 47C – 319.xx hiện anh Nguyễn Kim Ng đang quản lý, bảo quản. Anh Ng tự nguyện đồng ý trong trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Kim Ng có nghĩa vụ bàn giao chiếc Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27APND000 280/ JE493ZLQ 436111019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022, Biển kiểm soát 47C – 319.xx đều đứng tên sử dụng chị Nguyễn Thị H cho cơ quan có thẩm quyền để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị H toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Mức án phí dân sự sơ thẩm: 36.000.000 đồng + 3% x (1.212.644.024 đồng - 800.000.000 đồng) = 48.379.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 353; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 321, Điều 322, Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S

1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 23/03/2026) cụ thể như sau:

- Nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023, tổng cộng là: **996.500.779** đồng (*Chín trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*)

+ Lãi trong hạn: 134.312.332 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*)

+ Lãi quá hạn: 62.188.447 đồng (*Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*)

- Nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (Vay thẻ tín dụng), tổng cộng là **216.143.245** đồng (*Hai trăm mười sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 119.570.085 đồng (*Một trăm mười chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn không trăm tám mươi lăm đồng*)

+ Lãi trong hạn: 64.382.107 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng*)

+ Lãi quá hạn: 32.191.053 đồng (*Ba mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm năm mươi ba đồng*).

*/ Tổng cộng hai nợ gốc và nợ lãi đối với hai khoản vay nói trên là: **1.212.644.024** đồng (*Một tỷ, hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng*)

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/03/2026 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 202327225637 ngày 07/09/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/01 ngày 14/11/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327225637/02 ngày 26/12/2023 đối với khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 15/08/2019 đối với khoản nợ vay thẻ tín dụng 119.570.085 đồng cho đến khi chị Nguyễn Thị H trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Chiếc Xe ô tô tải Pickup ca bin kép số khung/số máy RL2AMFE60PDR44608/ YN2SRPD44608, nhãn hiệu Ford, đời

2023, Biển kiểm soát 47 C – 294.xx và Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27APND000 280/ JE493ZLQ 436111 019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022, Biển kiểm soát 47C – 319.xx theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0567/2023/TC-BH ngày 16/11/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Anh Nguyễn Kim Ng có nghĩa vụ bàn giao chiếc Xe ô tô tải có mui, số khung/số máy RPPMD27APND000280/ JE493ZLQ 436111019, nhãn hiệu DOTHANH, đời 2022. Biển kiểm soát 47C – 319.xx cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản trong quá trình thi hành trong trường hợp chị Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị H thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị H toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 000017 và số 47000215 mang tên Nguyễn Thị H

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 48.379.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), (làm tròn).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 19.794.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012373, ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đắk Lắk.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Chinh

